Phật giáo và AI: Tái định vị Phật giáo Nhân văn trong kỷ nguyên số

ISSN: 2734-9195 16:15 08/04/2026

Sự phát triển mạnh mẽ của AI không chỉ đặt ra những câu hỏi về công nghệ, mà sâu xa hơn, là những vấn đề về con người, nhận thức và giá trị sống. Trong dòng chảy ấy, Phật giáo - với nền tảng trí tuệ và từ bi không đứng ngoài, mà có thể trở thành nguồn định hướng quan trọng, giúp con người sử dụng công nghệ tỉnh thức và có trách nhiệm hơn.

“Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo đang định hình lại đời sống tri thức và văn hóa đương đại, Phật giáo đứng trước những cơ hội và thách thức mới trong việc truyền bá và ứng dụng giáo pháp. Từ góc nhìn Phật giáo Nhân văn, bài viết gợi mở những suy tư về mối tương tác giữa công nghệ và con đường tu tập, qua đó đặt ra những vấn đề đáng suy ngẫm cho Phật giáo trong thời đại số**”**.

Tóm tắt

Phật giáo Nhân văn là một trong những dòng chảy chủ đạo của Phật giáo hiện đại, với trọng tâm nhấn mạnh chiều kích nhân văn trong đời sống con người. Trước sự phát triển nhanh chóng của công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), Phật giáo Nhân văn đang đứng trước một giai đoạn quan trọng của tiến trình hiện đại hóa và chuyển mình, đồng thời phải liên tục điều hòa, tương tác giữa các giá trị tôn giáo và những đổi mới công nghệ.

Bài viết trước hết khẳng định rằng, trên phương diện kỹ thuật, AI mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho việc hoằng dương phật pháp, thông qua việc dẫn chứng một số trường hợp ứng dụng công nghệ AI trong lĩnh vực Phật giáo. Tiếp đó, bằng cách đối chiếu đạo đức Phật giáo của Tinh Vân Đại sư với các quan điểm đạo đức “hậu nhân loại” (Posthuman), bài viết chỉ ra rằng tư tưởng của Phật giáo Nhân văn có những điểm tương đồng đáng chú ý với các hệ hình đạo đức mới liên quan đến AI và hậu nhân loại. Đặc biệt, học thuyết “vô tình hữu tính” của Tinh Vân Đại sư cung cấp một cơ sở lý luận quan trọng để suy tư về câu hỏi: liệu AI có thể trở thành một vị Phật hay không?

Từ cả hai phương diện kỹ thuật và đạo đức, bài viết cho thấy sự tương tác giữa Phật giáo Nhân văn và AI không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ, mà còn có thể thúc đẩy những cách sử dụng và triển khai AI mang tính sáng tạo, phù hợp với tinh thần Phật giáo. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, so với dạng "trí tuệ nhân tạo hẹp" (Artificial Narrow Intelligence) được đề cập trong bài, sự phát triển của "trí tuệ nhân tạo mạnh" (Strong AI, có thể rút gọn thành: AI mạnh, sử dụng xuyên suốt trong toàn bài) có thể dẫn đến những khủng hoảng đạo đức sâu sắc hơn. Đồng thời, điều này cũng có nguy cơ làm nảy sinh xu hướng sùng bái khoa học - công nghệ, từ đó làm xói mòn hoặc thậm chí đảo lộn truyền thống nhân văn của Phật giáo dưới tác động của công cụ lý tính mới.

Bên cạnh đó, Phật giáo Nhân văn cũng có thể đối diện với những hệ lụy tiềm ẩn trong quá trình ứng dụng AI. Vì vậy, trong khi việc khuyến khích sử dụng các công nghệ như AI trong bối cảnh Phật giáo đương đại là cần thiết, thì việc duy trì một khoảng cách phản tỉnh, tỉnh thức đối với các công nghệ số cũng là điều không thể thiếu.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, Phật giáo nhân văn,tôn giáo kỹ thuật số, hậu nhân loại

1. Dẫn nhập

Mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo từ lâu đã là một chủ đề gây nhiều tranh luận. Trong bối cảnh công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ, trí tuệ nhân tạo (AI) - với tư cách là công nghệ tiên phong, không chỉ tác động sâu sắc đến đời sống tôn giáo đương đại, mà còn mở ra những cách tiếp cận mới để khảo sát sự va chạm và dung hợp giữa khoa học và tôn giáo. Trên cơ sở đó, bài viết lựa chọn Phật giáo Nhân văn như một trường hợp tiêu biểu, nhằm làm rõ mối liên hệ giữa một dòng chảy chủ đạo của Phật giáo hiện đại với khoa học AI.

Việc khảo sát vai trò của AI trong việc thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa Phật giáo, đồng thời phân tích những điểm tương đồng giữa đạo đức AI và tư tưởng Phật giáo Nhân văn, có thể được xem là những hướng tiếp cận mới trong việc nghiên cứu sự chuyển hóa của Phật giáo trong thời đại ngày nay.

Phật giáo Nhân văn là một trong những khuynh hướng chủ đạo của Phật giáo hiện đại, với sự hình thành và phát triển gắn liền với tiến trình chuyển đổi của xã hội hiện đại. Mục tiêu của Phật giáo Nhân văn là thúc đẩy sự hiện đại hóa cả trên phương diện tư tưởng lẫn thiết chế, nhằm "khiến Phật giáo thích ứng với những biến đổi của xã hội và nhận thức hiện đại, đồng thời tìm kiếm con đường tồn tại và phát triển trong bối cảnh mới" (Tang, 2017, tr. 109). Khái niệm hay khẩu hiệu "Phật giáo Nhân văn" được đề xuất từ đầu thế kỷ XX, thời điểm xã hội

Trung Quốc trải qua nhiều biến động sâu sắc: quốc lực suy giảm, xã hội rơi vào tình trạng chuyển động nhanh và bất ổn; trong khi đó, các trào lưu "dân chủ" và "khoa học" lan rộng, kéo theo những phong trào phản đối tôn giáo và mê tín, khiến giới trí thức đặt lại vấn đề về tính cần thiết của tôn giáo. Trong bối cảnh ấy, Phật giáo Trung Quốc rơi vào giai đoạn suy vi, gần như đánh mất vai trò xã hội vốn có. Trước thực trạng đó, nhiều trí thức Phật giáo dần nhận ra tính cấp thiết của việc chấn hưng và thích ứng Phật giáo với đời sống xã hội, nhằm tìm kiếm con đường phát triển trong hoàn cảnh mới.

Trong dòng chảy ấy, Thái Hư Đại sư (太虛, 1890-1947) đã đề xuất khái niệm "Phật giáo Nhân văn", lấy Phật giáo Trung Hoa làm nền tảng và hướng đến việc thích ứng với xã hội hiện đại. Tư tưởng này nhấn mạnh việc quay về với thực hành tự thân, chuyển hướng Phật giáo về với con người, đề cao sự hoàn thiện nhân cách và đời sống tu hành, từ đó thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa và chuyển hóa Phật giáo trên nhiều phương diện như tổ chức và chế độ Tăng đoàn. Tiếp nối, Ấn Thuận Đại sư (印順, 1906-2005) đã phát triển sâu sắc hơn hệ tư tưởng này; cùng với đó là những đóng góp quan trọng của Triệu Phác Sơ (趙樸初, 1907-2000), Tinh Vân Đại sư (星雲, 1927-2023), Tịnh Huệ Đại sư (淨慧, 1933-2013) và Lý Nguyên Tông (李元松, 1957-2003), những người đã thúc đẩy sự phát triển và truyền bá Phật giáo Nhân văn cũng như tiến trình hiện đại hóa Phật giáo từ nhiều phương diện khác nhau.

Trong thời hiện đại, Tinh Vân Đại sư là một trong những vị cao tăng có ảnh hưởng sâu rộng trong việc hoằng dương Phật giáo Nhân văn tại Đài Loan. Phật Quang Sơn (佛光山), vốn là một vùng đồi núi hoang sơ gồm năm ngọn đồi nhỏ tại Cao Hùng, được Ngài sáng lập vào năm 1967. Chỉ trong vài thập niên, nơi đây đã trở thành một trong những tự viện Phật giáo lớn nhất tại Đài Loan. Kế thừa dòng Thiền Lâm Tế, Phật Quang Sơn lấy việc hoằng dương giáo nghĩa Phật giáo Nhân văn làm trọng tâm, thiết lập các hội đoàn khu vực trên cả năm châu với hàng triệu tín đồ trên toàn thế giới. Đồng thời, tổ chức này còn thúc đẩy việc xây dựng các cộng đồng tôn giáo hiện đại và phát triển Phật giáo mang tính quốc tế. Bên cạnh đó, Phật Quang Sơn nhấn mạnh sự gắn kết giữa đời sống và Phật pháp, đề cao vai trò của Phật giáo trong việc tác động tích cực đến xã hội thông qua hành động thực tiễn. Điều này cho thấy, từ khi hình thành đến nay, Phật giáo Nhân văn luôn chủ động thích ứng với nhu cầu của thời đại.

Phật giáo Nhân văn không phải là một tôn giáo mới, mà là nỗ lực khôi phục những phẩm chất nhân văn vốn có của Phật giáo Đại thừa, với định hướng "lấy đời sống làm nền tảng, chứng nghiệm giải thoát trong đời sống thường nhật và hiện thực hóa Tịnh độ". Mục tiêu của khuynh hướng này là giúp người tu học, đặc biệt là cư sĩ tại gia nhận thức và xử lý một cách hài hòa mối quan hệ giữa

Phật pháp và các nguyên tắc thế tục, từ đó đưa Phật giáo hội nhập sâu rộng hơn vào đời sống xã hội.

Đồng thời, Phật giáo Nhân văn cũng chính là thực hành Phật giáo trong tiến trình chuyển mình sang hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và thúc đẩy sự phát triển nội tại. Chính điều này đã đặt nền tảng cho xu hướng "công nghệ hóa" trong Phật giáo Nhân văn. Việc lựa chọn và ứng dụng các công cụ AI ở nhiều cấp độ khác nhau gắn liền với xu hướng nhập thế và thích ứng với bối cảnh đương đại. Theo đó, AI đã được sử dụng trong việc hoằng dương Phật giáo Nhân văn thông qua các hình thức như "tăng sĩ AI", dịch kinh bằng AI và các cộng đồng Phật giáo trực tuyến.

Với tư cách là một khuynh hướng Phật giáo đặc biệt quan tâm đến hiện đại hóa và chuyển hóa, Phật giáo Nhân văn trong những năm gần đây đã từng bước gia tăng việc ứng dụng các công cụ AI. Một số học giả trước đây cũng đã ghi nhận mối liên hệ này. Chẳng hạn, Shi Juexi (釋覺西) trong nghiên cứu "A New Platform for Dharma Propagation: The Internationalization of Humanistic Buddhism from Buddha's Light Satellite Television to Beautiful Life Television" (Shi, 2003, tr. 333. Tạm dịch: Một nền tảng mới cho hoằng pháp: Sự quốc tế hóa Phật giáo Nhân văn từ Truyền hình Vệ tinh Phật Quang (佛光衛視) đến Kênh Truyền hình Cuộc sống Tốt đẹp (人間衛視)), đã đề cập đến việc sử dụng các phương tiện truyền thông để lan tỏa tinh thần từ bi và trí tuệ của Phật giáo Nhân văn. Trong công trình "The Realization of the Pure Land of Humanity and the Internationalization of Humanistic Buddhism: The Future of Humanistic Buddhism" (Chen, 2019, tr. 95. Tạm dịch: Sự hiện thực hóa Tịnh độ nhân gian và tiến trình quốc tế hóa Phật giáo Nhân văn: Tương lai của Phật giáo Nhân văn), Chen Jianhuang (陳劍煌) nhấn mạnh đến sự truyền bá Phật giáo Nhân văn trên Internet, cho rằng "tôn giáo Internet", thông qua việc sử dụng AI và dữ liệu lớn, vừa mang tính "thế tục" của môi trường mạng, vừa mang tính "phổ quát" của tôn giáo, đồng thời có khả năng vượt qua những ranh giới chưa từng có để truyền bá Phật pháp. Tại "Hội thảo Phật giáo Nhân văn và xã hội tương lai trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo", Luo Jin (羅勁) cũng chỉ ra trong tham luận "Trí tuệ của đức Phật dưới góc nhìn trí tuệ nhân tạo" rằng giữa AI và trí tuệ của đức Phật tồn tại những điểm tương đồng nhất định và tư duy dữ liệu lớn có thể được xem như một dạng nhận thức mang tính "khai ngộ".

Tuy nhiên, từ những nghiên cứu đã được đề cập, có thể thấy rằng các công trình khảo sát một cách hệ thống mối quan hệ giữa Phật giáo Nhân văn và AI vẫn còn hạn chế. Hiếm có những nghiên cứu kết hợp giữa việc phân tích các trường hợp ứng dụng AI trong Phật giáo Nhân văn với việc đối chiếu đạo đức AI và giáo lý Phật giáo Nhân văn.

Bài viết này hướng đến việc làm rõ sự tương tác giữa công nghệ AI và Phật giáo Nhân văn, đồng thời chỉ ra vai trò quan trọng của AI trong việc thúc đẩy hoằng pháp thông qua các phương thức khoa học - công nghệ tiên tiến. Bên cạnh đó, bài viết cũng tìm cách phân tích tính tương hợp nội tại giữa các quan niệm của Tinh Vân Đại sư về thân, sinh và tử với tư tưởng "vô tình hữu tính" (無情亦有佛性). Trên cơ sở nhận diện sự tương thích này, bài viết cũng cảnh báo rằng sự phân hóa trong các lý thuyết AI có thể dẫn đến khủng hoảng của chủ nghĩa nhân văn, từ đó kéo theo nguy cơ lệch hướng trong thực hành, tách rời sự thống nhất giữa thân và tâm.

Vì vậy, một mặt, việc ứng dụng AI trong Phật giáo Nhân văn phản ánh tiến trình chuyển hóa hiện đại của Phật giáo; nhưng mặt khác, những nguy cơ tiềm ẩn của AI cũng cần được nhận diện một cách thận trọng và tỉnh thức.


Hình ảnh được tạo bởi AI

2. Phương diện kỹ thuật: AI và sự thúc đẩy Phật giáo Nhân văn

Trong phần này, bài viết làm rõ những tác động tích cực của AI đối với Phật giáo Nhân văn trên phương diện công năng. Cụ thể, cùng với sự phát triển của công nghệ AI, việc hoằng dương Phật pháp trở nên thuận tiện hơn, phạm vi tiếp cận được mở rộng, không còn bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý hay không gian. Đồng thời, các tự viện cũng từng bước thiết lập những kết nối thuận tiện và minh bạch hơn thông qua Internet; kinh điển Phật giáo được số hóa nhằm phục

vụ việc lưu trữ lâu dài và truyền bá rộng rãi (Phật Quang Sơn đã sớm triển khai điện tử hóa kinh điển từ năm 1977), đồng thời tích hợp các phần mềm dịch thuật AI như một công cụ hỗ trợ chuyển dịch kinh văn. Tất cả những yếu tố này phản ánh sự mở rộng của không gian mạng, qua đó phần nào làm giảm những ràng buộc về thời gian và không gian trong việc hoằng pháp, góp phần thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa và toàn cầu hóa của Phật giáo Nhân văn.

2.1. Những hình thức hoằng pháp mới thông qua "tăng sĩ AI"

Khi bàn về sự kết hợp giữa AI và Phật giáo, biểu hiện rõ nét nhất có thể nhận thấy là sự xuất hiện của các "tăng sĩ robot" hay "Bồ-tát AI". Một số học giả đã tiến hành khảo sát và phân tích hiện tượng này trong bối cảnh Phật giáo Nhật Bản (Baffelli 2021).

Chẳng hạn, nghiên cứu của Baffelli đã chỉ ra cách thức mà "Mindar", một robot Phật giáo tiêu biểu tại Nhật Bản được kiến tạo như một hóa thân của Bồ-tát.

Thông qua việc quan sát Mindar, Baffelli phân tích sự tương tác giữa AI, công nghệ robot và Phật giáo trong xã hội Nhật Bản đương đại, đồng thời làm nổi bật những tiềm năng cảm xúc mà AI có thể khơi mở, đặc biệt trong mối liên hệ giữa con người và robot, cũng như những hệ quả đối với Phật giáo hiện nay. Trong bài viết của mình, Baffelli dẫn lại quan điểm của nhà nghiên cứu robot Mori Masahiro, cho rằng robot có Phật tính và tiềm năng đạt đến giác ngộ. Tại Nhật Bản, những "Bồ-tát AI" như Mindar có khả năng thuyết pháp và giới thiệu kinh điển, thậm chí được xem như những vị Bồ-tát thực thụ. Baffelli cũng trích dẫn một cuộc phỏng vấn với Hòa thượng Gotō, cho thấy khả năng Mindar có thể vượt ra khỏi vai trò trung gian giữa chư Phật và con người, thậm chí trong tương lai có thể thay thế vai trò của một vị tu sĩ. Điều này cho thấy "tăng sĩ AI" có thể mở ra phương thức hoằng pháp mới, đảm nhận vai trò dẫn dắt tinh thần và hướng con người đến con đường giải thoát.

Tuy nhiên, bên cạnh việc ghi nhận những giá trị mà Mindar mang lại cho tiến trình số hóa Phật giáo đương đại, Baffelli cũng thẳng thắn chỉ ra rằng, dù có thể vượt qua nhiều giới hạn của con người, một robot vẫn chưa phải là một chúng sinh hữu tình có khả năng cảm thọ khổ đau (Baffelli 2021, tr. 259). Ở một chiều khác, Gould và Walters (2020) nhìn nhận tương lai của thực hành Phật giáo dưới góc độ công nghệ, trong đó Phật giáo có thể được hình dung như một hình thái hậu nhân loại hoặc siêu nhân loại, nơi "sự hoàn hảo công nghệ trong thực hành" thay thế những giới hạn và khiếm khuyết của con người. Tuy vậy, thực tế hiện nay cho thấy, các bài thuyết pháp của Mindar vẫn được lập trình và nhập

liệu bởi các tu sĩ con người (Baffelli 2021, tr. 261).

Trường hợp Mindar - "Bồ-tát AI" tại Nhật Bản cũng gợi mở nhiều suy ngẫm. So với Mindar xuất hiện vào năm 2019, Phật giáo Trung Quốc dường như đã sớm tiếp cận việc sử dụng robot trong hoằng pháp. Tiêu biểu là "Hiền Nhị" ("Xian Er" - 賢二) tại chùa Long Tuyền (龍泉寺), thường được xem là "tăng sĩ robot" đầu tiên. Với hình dáng một chú tiểu mặc áo vàng, Hiền Nhị có khả năng "đối thoại" với tín đồ, không chỉ hiểu các lệnh cơ bản mà còn có thể giải thích một số nội dung kinh điển. Được phát triển từ năm 2015, thông qua các công nghệ như nhận diện giọng nói, nhận diện hình ảnh, điều khiển bằng giọng nói và cảm biến thông minh, robot này có thể tụng kinh, hát nhạc Phật giáo, an ủi người dùng, thậm chí kể chuyện mang tính hài hước.

Theo Hòa thượng Xue Cheng, "Hiền Nhị là sự kết hợp sâu sắc giữa Phật giáo và khoa học hiện đại, thể hiện tinh thần đổi mới của Phật giáo", đồng thời nhấn mạnh rằng khoa học hiện đại có ưu thế trong việc nhận thức và cải biến thế giới vật chất, trong khi Phật giáo có phương pháp toàn diện trong việc nhận thức và chuyển hóa thế giới tinh thần, do đó, hai lĩnh vực này cần được kết hợp một cách hữu cơ (Yang 2016). Bên cạnh đó, một vị tăng tại chùa Long Tuyền cũng cho rằng tăng sĩ AI như Hiền Nhị có thể hướng con người đến điều thiện. Công nghệ, trong bối cảnh này, giúp việc truyền bá triết lý và trí tuệ Phật giáo trở nên dễ dàng hơn, đồng thời chính lĩnh vực AI cũng có thể được định hướng nhằm tránh những lệch lạc tiềm ẩn thông qua nền tảng đạo đức Phật giáo.

Trong bài giảng "Phật giáo Nhân văn trong kỷ nguyên AI" tại Phật Quang Sơn, Hòa thượng Hui Jang cũng đề cập đến cách nhìn của Phật giáo Nhân văn đối với sự tương tác giữa con người và robot, cho rằng chỉ khi con người không ngừng học hỏi, cùng tồn tại và tương tác với robot trên tinh thần cộng sinh, truyền tải các giá trị thiện lành và nuôi dưỡng lòng từ bi, thì công nghệ mới có thể phản hồi lại bằng những khuôn mẫu hành vi tích cực (Shi 2021). Nói cách khác, "tăng sĩ robot" không chỉ góp phần đổi mới phương thức hoằng pháp một cách sinh động, mà còn gợi mở ý niệm về sự cộng sinh và từ bi giữa con người và máy móc.

Tương tự như ảnh hưởng của Mindar trong Phật giáo Nhật Bản, việc ứng dụng AI trong Phật giáo Trung Quốc cũng mở ra những cách tiếp cận mới đối với thực hành Phật giáo, đồng thời có thể thực hiện những chức năng mà con người khó đạt tới. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, khác với Mindar, vốn mang ý nghĩa biểu tượng như một "hóa thân Bồ-tát", các "tăng sĩ robot" tại Trung Quốc như Hiền Nhị chủ yếu mang tính phổ cập và giải trí nhiều hơn. Bên cạnh đó, do các nội dung thuyết pháp của robot vẫn chủ yếu được lập trình hoặc ghi sẵn, nên vẫn

còn nhiều dư địa để phát triển nhằm tiến tới một hình thức "giảng sư tối ưu" hơn trong tương lai. Đây cũng chính là không gian để tiếp tục hoàn thiện sự kết hợp giữa AI và quá trình "nhân cách hóa" trong Phật giáo.

2.2. Số hóa kinh điển và ứng dụng AI trong dịch thuật Phật giáo

Cùng với tiến trình hiện đại hóa công nghệ và sự phát triển của AI, Phật Quang Sơn không chỉ chú trọng số hóa kinh điển Phật giáo Nhân văn (1) mà còn tích cực ứng dụng AI trong công tác dịch thuật. Nhờ vào năng lực của trí tuệ nhân tạo và các kỹ thuật học sâu, độ chính xác cũng như tốc độ dịch kinh điển đã được nâng cao đáng kể.

Viện Nghiên cứu Phật giáo Nhân văn Phật Quang Sơn (佛光山人間佛教研究院 - 2) hiện đang sử dụng các phần mềm dịch thuật AI để nâng cao chất lượng chuyển dịch bộ Phật Quang Đại Từ Điển (佛光大辭典 - 3). Hệ thống "FGS Translation Portal" (cổng dịch thuật thông minh của Phật Quang Sơn) tích hợp nhiều công cụ như DeepL (dịch văn bản), Wordtune (tối ưu cấu trúc câu) và Power Thesaurus (hỗ trợ ngữ pháp và từ vựng), qua đó cải thiện đáng kể hiệu quả và độ chính xác trong dịch thuật Phật giáo (Zhi 2022).

Như Ni sư Miao Guang đã đề cập trong bài giảng về việc dịch "Phật Quang Đại Từ Điển với sự hỗ trợ của AI" (4), công nghệ này giúp tiết kiệm thời gian tra cứu lặp lại, hỗ trợ người dịch nhanh chóng hoàn thành bản thảo ban đầu, đồng thời cung cấp nguồn dữ liệu liên quan thông qua hệ thống dữ liệu lớn. Trên nền tảng đó, bộ từ điển này được kỳ vọng sẽ sở hữu những đặc tính nổi bật như tra cứu tức thời, liên kết siêu dữ liệu, tính nhất quán trong dịch thuật và khả năng mở rộng cao. Có thể nói, đây là công cụ đặc biệt hữu ích trong lĩnh vực dịch thuật kinh điển Phật giáo.

2.3. Ứng dụng công nghệ truyền thông mới

Tinh Vân Đại sư từng nhấn mạnh rằng tiến trình hiện đại hóa Phật giáo cần dựa vào "công nghệ hiện đại" trong hoằng pháp, đồng thời cần vận dụng đa dạng phương thức truyền bá. Ngài nhận định: từ một "thế giới đen trắng" của sao chép truyền thống, nhân loại đã bước vào một "thế giới đa sắc" đầy sức hấp dẫn và trong tương lai, Internet cùng truyền hình vệ tinh sẽ trở thành những công cụ chủ yếu để hoằng pháp thông qua công nghệ (Tinh Vân Đại sư 2006). Quan điểm này cho thấy việc ứng dụng các công nghệ mới, đặc biệt là AI, được xem là phương tiện quan trọng để truyền bá Phật pháp hiệu quả, sáng tạo và rộng khắp.

Trong những năm gần đây, việc sử dụng màn hình AI và công nghệ thực tế ảo (VR) trong Phật giáo Nhân văn tại Đài Loan ngày càng trở nên phổ biến. Dịp Tết Nguyên đán năm 2021, Phật Quang Sơn đã tổ chức một sự kiện trải nghiệm công nghệ, qua đó thể hiện rõ vai trò sáng tạo của AI và VR trong việc truyền tải tư tưởng Phật giáo Nhân văn. Phiên bản thứ hai của chương trình "Hành trình đến cõi Phật" (佛國之旅) cho phép người tham gia bước vào không gian trải nghiệm Phật giáo thông qua thực tế ảo. Người dùng có thể quét khuôn mặt để hóa thân thành một nhân vật ngẫu nhiên như một vị pháp sư hay một phật tử rồi nhập vai vào không gian tu học trong thế giới ảo.

Hình thức này, một mặt mang tính hấp dẫn về công nghệ, có khả năng thu hút giới trẻ và khơi gợi sự tò mò tìm hiểu Phật pháp; mặt khác, vẫn giữ được chiều sâu tư tưởng, có khả năng khai mở trí tuệ. Nhờ đó, kết hợp hài hòa giữa yếu tố giải trí và giá trị giáo dục của Phật giáo.

Một ví dụ khác là triển lãm "Bốn mùa hoa nở: Triển lãm ảnh phong cảnh hoa Đài Loan của Chiu-Pang Hsu" được tổ chức tại Phật Quang Sơn. Thông qua sự kết hợp giữa hình ảnh, video và công nghệ AR, người tham quan có thể trải nghiệm hiệu ứng thị giác, hoạt hình và hình ảnh tăng cường, từ đó có được cảm nhận thẩm mỹ phong phú hơn. Tương tự, bộ phim VR chủ đề thiền viện đầu tiên mang tên "Tham kiến Tiểu Sư phụ" [Can Jian Xiaoshifu" (參見小師父)] được thực hiện tại chùa Cao Sơn Bảo Tích (Cao Shan Baoji, Giang Tây, Trung Quốc) năm 2016, đã tái hiện lịch sử hơn một nghìn năm của ngôi chùa thông qua công nghệ thực tế ảo, góp phần quảng bá văn hóa Phật giáo bằng phương tiện truyền thông hiện đại.

Theo nhận định của giáo sư Shi Anbin (Đại học Thanh Hoa), ưu thế cốt lõi của công nghệ VR trong truyền thông nằm ở khả năng mô phỏng chân thực các tình huống và tái hiện cảm nhận giác quan của con người, khiến người xem có cảm giác như đang trực tiếp hiện diện trong không gian trải nghiệm (Shi 2026). Nhờ đó, VR có thể thúc đẩy hoằng pháp thông qua khả năng khơi gợi "tính đồng cảm", giúp con người cảm nhận rõ hơn sự trang nghiêm của Phật pháp và tiếp cận giáo lý một cách trực quan.

2.4. Xu hướng phát triển của nghi lễ trực tuyến và Phật giáo kỹ thuật số

"Phật giáo kỹ thuật số" có thể được hiểu là hình thức Phật giáo mà người dùng tiếp cận thông qua màn hình kỹ thuật số (Grieve 2016, tr.6). Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, nhiều nghi lễ và hoạt động tôn giáo trực tuyến đã ra đời. Phật Quang Sơn đã triển khai nền tảng "Thắp đèn trực tuyến" (Light Up Lamps

Online - 雲端點燈) bằng cả tiếng Anh và tiếng Trung, tích hợp công nghệ AI (Du 2021). Đây là một hình thức mô phỏng nghi lễ thắp đèn truyền thống: người dùng có thể thao tác trên màn hình để thắp ba ngọn đèn sen và gửi gắm lời cầu nguyện.

Nền tảng này không chỉ sử dụng trên thiết bị di động mà còn có thể triển khai trong không gian pháp đường, với màn hình LED mang lại trải nghiệm nhập vai sâu sắc hơn, đồng thời giúp người tham gia cảm nhận rõ nét hơn sự trang nghiêm của Phật. Trong điều kiện giãn cách do đại dịch, "Thắp đèn trực tuyến" đã trở thành cầu nối cho cộng đồng tôn giáo ở những không gian khác nhau.

Những hình thức lễ nghi trực tuyến, cùng với việc ứng dụng VR trong hoằng pháp như đã đề cập, cho thấy xu hướng "ảo hóa" ngày càng rõ nét của Phật giáo Nhân văn dưới tác động của công nghệ tiên tiến. Nhiều nghiên cứu gần đây cũng đã đề cập đến quá trình "mạng hóa" Phật giáo và việc thực hành tôn giáo trong không gian ảo. Chẳng hạn, nghiên cứu của Grieve cho thấy trong thế giới trực tuyến "Second Life", Thiền tông phát triển mạnh mẽ, nơi người dùng không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn thực hành các nghi lễ như thiền định trực tuyến. "Tôn giáo trực tuyến trên nền tảng Second Life (thế giới ảo) không chỉ cho phép người dùng tiếp cận thông tin mà còn, như được minh họa qua hoạt động thiền trực tuyến của BodhiDharma (Bồ Đề Đạt Ma, tạo điều kiện để họ tham gia vào các nghi lễ và những hình thức thực hành tôn giáo khác được trung gian hóa qua môi trường kỹ thuật số" (Grieve 2016, tr. 2).

Theo nghiên cứu của Grieve, hình thức Phật pháp số (Digital Dharma) này thường được thực hành thông qua thiền tập theo nhóm và cầu nguyện trực tuyến. Bên cạnh đó, cử chỉ chắp tay - một biểu hiện quen thuộc của sự thành kính và cầu nguyện trong đời sống Phật giáo thực tại cũng được chuyển hóa thành một biểu tượng mang tính ảo trong không gian số. Những thực hành này thường diễn ra dưới hình thức thiền tập và cầu nguyện tập thể, thậm chí các cử chỉ như chắp tay cũng được chuyển hóa thành ký hiệu số. Điều này góp phần tạo ra cảm nhận về tính liên kết của thế giới và mở ra những khả năng mới cho cộng đồng tôn giáo, bản sắc và thực hành tâm linh.

Việc Phật giáo Nhân văn triển khai các mô hình như "Thắp đèn trực tuyến", xây dựng không gian cầu nguyện trên mạng và hình thành các cộng đồng tu tập trực tuyến phản ánh xu hướng mạng hóa ngày càng rõ rệt trong những năm gần đây, với sự hỗ trợ của AI và truyền thông số.

Bên cạnh đó, Phật giáo Nhân văn còn phát triển phần mềm thực hành trực tuyến mang tên "Fo Guang GO" (佛光GO, phiên bản 3.1.2), cho phép người dùng tham gia các hoạt động như cầu nguyện, thiền định, tụng kinh, sao chép

kinh điển... Ứng dụng này cũng tích hợp bản đồ tham quan 360 độ Phật Quang Sơn trong không gian ảo, đồng thời xây dựng hình tượng "tiểu sa di AI" nhằm hướng dẫn người dùng. Qua đó, một không gian tu tập ảo được thiết lập, góp phần định hướng con người hướng thiện thông qua công nghệ.

So với các xã hội phương Tây, nơi việc phát triển thực hành Phật giáo trong môi trường ảo xuất hiện sớm hơn, Phật giáo Trung Hoa khởi động quá trình này muộn hơn. Tuy nhiên, qua các trường hợp như "Thắp đèn trực tuyến" hay "Fo Guang GO", có thể nhận thấy rõ nhu cầu của con người đối với Phật giáo số cũng như xu hướng "ảo hóa" Phật giáo dưới tác động của khoa học - công nghệ.

Nhìn chung, những tương tác giữa công nghệ số tiên tiến và tiến trình hiện đại hóa Phật giáo cho thấy AI đóng vai trò quan trọng trong sự chuyển đổi của Phật giáo đương đại. Việc ứng dụng AI đã tạo ra những hình thức hoằng pháp phong phú, sinh động, góp phần nâng cao hiệu quả, tính hấp dẫn và khả năng tiếp cận, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu chịu ảnh hưởng của dịch bệnh.

Từ những trường hợp này, có thể thấy việc sử dụng AI trong hoằng pháp phản ánh xu hướng thế tục hóa tất yếu của các tôn giáo châu Á trong xã hội hiện đại. Việc tận dụng công nghệ mới giúp tôn giáo dễ dàng thâm nhập vào đời sống thường nhật, qua đó mở rộng ảnh hưởng của Phật giáo trong xã hội đương đại. Đây cũng là cách để các cộng đồng tôn giáo thu hút sự quan tâm của công chúng, gia tăng sự hiện diện và tái thiết mối liên hệ giữa Phật giáo với đời sống hiện đại.

Như được phân tích trong công trình Buddhism, the Internet, and Digital Media: The Pixel in the Lotus (tạm dịch: Phật giáo, Internet và truyền thông số: Những điểm ảnh trong hoa sen), các tác giả đã khảo sát cách thức Phật giáo được thực hành và biểu đạt trong thời đại số, đồng thời nhấn mạnh vai trò của "tôn giáo số" như một phương thức thích ứng với đời sống hiện đại đầy biến động (Grieve và Veidlinger 2014) . Trong tinh thần đó, "tôn giáo số" không ngừng biến đổi, tương ứng với quan niệm vô thường trong Phật giáo (Grieve và Veidlinger 2014, tr. 14).

Xét về bản chất, việc ứng dụng công nghệ số và AI trong Phật giáo Nhân văn đương đại không chỉ giúp giải quyết những khủng hoảng của đời sống hiện đại, mà còn góp phần tái khám phá giá trị của Phật giáo trong thế giới đang không ngừng biến đổi.



3. Những tương đồng giữa AI và Phật giáo Nhân văn trên bình diện lý thuyết: Trường hợp tư tưởng của Đại sư Tinh Vân

Sau khi phân tích một số trường hợp ứng dụng AI trong Phật giáo Nhân văn, cần thiết tiếp tục khảo sát mối liên hệ giữa AI và Phật giáo Nhân văn trên phương diện lý thuyết, đặc biệt là các hệ tư tưởng phát sinh từ sự phát triển của công nghệ trí tuệ nhân tạo.

Dưới tác động của công nghệ thông minh, tiêu biểu là AI, quan niệm nhân văn truyền thống cho rằng bản tính con người là ổn định đã bị lung lay, kéo theo sự xuất hiện của các khái niệm như “hậu nhân loại” (post-human) và “xã hội hậu nhân loại”. Chủ nghĩa hậu nhân loại là một sự tái tư duy về con người và tiến trình tiến hóa của con người, được phát triển trên nền tảng phê phán chủ nghĩa lấy con người làm trung tâm (anthropocentrism). Michel Foucault đã phê phán khuynh hướng này bằng tuyên bố “cái chết của con người”, cho rằng con người thực chất chỉ là sản phẩm của một chuỗi các sự kiện lịch sử (Foucault, 2005, tr. 422). Theo Rosi Braidotti, chủ nghĩa hậu nhân loại có thể truy nguyên từ trào lưu phản nhân văn của thập niên 1960, đồng thời kết hợp với lập trường chống lại tính trung tâm của con người (Braidotti, 2013). Vì vậy, chủ nghĩa hậu nhân loại không chỉ phê phán tư tưởng nhân loại trung tâm, mà còn phản đối sự phân cấp giữa các loài, kêu gọi tái lập công bằng sinh thái.

Trên nền tảng đó, xu hướng tư tưởng “chuyển nhân loại” (transhumanism) cũng hình thành. Những người theo chủ nghĩa này tin rằng, thông qua việc ứng dụng khoa học - công nghệ, điều kiện tồn tại của con người có thể được cải thiện căn bản, thậm chí vượt qua các giới hạn tự nhiên của thân phận con người. Đây được xem như một phong trào giải phóng, chủ trương giải thoát hoàn toàn khỏi những ràng buộc sinh học. Transhumanism cũng có thể được hiểu là sự vượt lên trên chủ nghĩa nhân văn, nhằm vượt qua các giới hạn sinh học và tinh thần bằng công nghệ. Do đó, điểm nổi bật của cả chủ nghĩa hậu nhân loại và chuyển nhân loại, vốn phát sinh từ sự phát triển của AI là sự vượt thoát khỏi quan niệm “con người là trung tâm”. Mục tiêu là làm mờ ranh giới giữa con người và máy móc thông qua công nghệ sinh học, mở rộng giới hạn của cơ thể, kéo dài tuổi thọ, thậm chí vượt qua ranh giới sinh - tử, hướng đến một dạng tồn tại “bất tử” và không bị giới hạn.

Từ góc nhìn này, James J. Hughes - một học giả quan trọng nghiên cứu về chuyển nhân loại và Phật giáo đã chỉ ra trong bài viết Buddhism and Our Posthuman Future (tạm dịch: Phật giáo và tương lai Hậu nhân loại của chúng ta) rằng: “Phật giáo và việc tăng cường năng lực con người có những điểm tương hợp và bổ sung hữu ích cho nhau”. Trong Phật giáo truyền thống, con người có thể tiến hóa thành chư thiên hay những hữu thể siêu việt. Mặc dù Phật giáo phản đối chấp chước, nhưng không phủ nhận việc sử dụng các phương tiện y học hoặc tâm linh để kéo dài sự sống hay đạt được năng lực vượt trội. Hughes dẫn chứng rằng: trong viễn cảnh chung của Phật giáo, con người trong tương lai có thể đạt tuổi thọ tới 80.000 năm trong một “không tưởng hậu nhân loại” trên Trái đất (Hughes, 2019). Học giả Ross B. cũng cho rằng, trong khi Phật giáo xem thiền định và kỷ luật tự thân là phương tiện khai mở tiềm năng hậu nhân loại, thì các nhà chuyển nhân loại lại kỳ vọng vào công nghệ dược phẩm để đạt mục tiêu tương tự (Ross, 2020). Dù giác ngộ không thể đạt được chỉ bằng một viên thuốc, nhưng việc kéo dài tuổi thọ có thể tạo thêm thời gian để tu tập và chứng ngộ. Như Hughes nhận định: “Đối với phật tử, con người đạt đến trạng thái hậu nhân loại thông qua nỗ lực tự thân” (Hughes, 2019). Điều này cho thấy cả hai hệ tư tưởng đều mang tính hướng thượng và siêu việt.

Tại phương Tây, các nhà chuyển nhân loại cũng đã diễn giải sự tương thích giữa triết học Phật giáo và tư tưởng của họ, cho rằng Phật giáo phù hợp với cốt lõi của chủ nghĩa hậu nhân loại và chuyển nhân loại hơn nhiều tôn giáo khác. Theo Macer (2012), các nhà Phật học hiện đại sẵn sàng đối thoại với hiện đại tính và transhumanism hơn so với Kitô giáo, cả ở châu Á lẫn phương Tây. Hughes cũng nhấn mạnh rằng giáo lý “vô ngã” (anattā) - nhận ra tính ảo tưởng của bản ngã thực chất rất phù hợp với nền tảng của tư tưởng chuyển nhân loại (Hughes, 2013). Trong một tương lai hậu nhân loại, việc chấp nhận tính không - thực thể

của cái “tôi” sẽ trở thành điều tất yếu.

Bên cạnh đó, Rajakishore Nath và Riya Manna nhấn mạnh sự cần thiết phải phân tích tính “chủ thể đạo đức” của các thực thể hậu nhân loại như cyborg (người máy sinh học), cũng như mối liên hệ của chúng với sự hình thành “đạo đức AI” (Rajakishore Nath và Riya Manna 2023, tr. 185). Việc ứng dụng AI trong tôn giáo đã mở ra những thảo luận mới về lý thuyết hậu nhân loại, đặc biệt khi xuất hiện hình tượng “tu sĩ AI”, khiến ranh giới giữa con người và máy móc trong đời sống tôn giáo trở nên mờ nhạt. Theo lý thuyết hậu nhân loại, liệu một hệ thống AI tự động có thể được xem là một chủ thể đạo đức? Và liệu AI có thể trở thành chủ thể truyền bá Phật pháp?

Trong phần này, bài viết sẽ làm rõ tính tương thích giữa đạo đức AI và Phật giáo Nhân văn từ góc độ giáo lý Phật học thông qua phương pháp so sánh lý thuyết. Dựa trên việc hệ thống hóa trước tác của Đại sư Tinh Vân và đối chiếu với các học thuyết Phật giáo khác, có thể nhận thấy rằng các quan niệm của Phật giáo Nhân văn có những điểm tương đồng nhất định với chủ nghĩa hậu nhân loại trong bối cảnh phát triển của AI. Cụ thể, phần này sẽ phân tích các tương đồng đó trên ba bình diện: thân thể, sự sống và cái chết, cùng với luận đề then chốt “vô tình hữu tính” (các pháp vô tình cũng có Phật tính).

3.1. Sự tương đồng trong quan niệm về thân thể: Từ thân thể hậu nhân loại đến tư tưởng “đồng thể cộng sinh” của Tinh Vân Đại sư

Sự tương đồng giữa triết học Phật giáo của Tinh Vân Đại sư và lý thuyết hậu nhân loại trước hết được thể hiện trong quan niệm về thân thể. Cả hai đều hướng đến một cách hiểu về thân thể mang tính bình đẳng, phi phân biệt, vượt qua những giới hạn vốn có của thân thể sinh học truyền thống.

Trong lý thuyết hậu nhân loại, quan niệm về thân thể được triển khai trên ba chiều kích chính. Thứ nhất, thân thể cyborg có khả năng vượt qua ranh giới giữa các loài, hướng đến trạng thái hợp nhất, nơi các dạng tồn tại không còn bị phân tách cứng nhắc. Thứ hai, thân thể được “hiện thân hóa” (embodiment) vượt khỏi những giới hạn vật lý, qua đó đạt đến sự hợp nhất giữa thân thể, nhận thức và thế giới; đồng thời, công nghệ cũng góp phần mở rộng khả năng cảm thụ và biểu đạt của con người. Thứ ba, thân thể hậu nhân loại mang chiều kích sinh thái, thể hiện sự đồng cảm liên loài và cổ vũ ý thức sinh thái, đề cao sự cùng tồn tại đa dạng giữa con người và các dạng sống khác.

Những đặc điểm trên cho thấy xu hướng chung của tư tưởng hậu nhân loại là giải cấu trúc tính trung tâm của con người, hướng đến góc nhìn liên thể và bình đẳng hơn về sự sống.

Tương ứng, trong tư tưởng Phật giáo Nhân văn, Tinh Vân Đại sư đã đề xuất khái niệm "đồng thể cộng sinh", hàm chứa nhiều điểm tương đồng với đạo đức hậu nhân loại. Trước hết, "đồng thể cộng sinh" xóa bỏ ranh giới giữa các loài và các dạng tồn tại. Trong tác phẩm Phật Pháp Thuần Khiết (佛法真義), ngài khẳng định rằng con người không thể tồn tại độc lập, mà luôn ở trong mối quan hệ tương duyên, tương tức với tất cả. "Đồng thể" biểu thị tính bình đẳng và dung thông, trong khi "cộng sinh" nhấn mạnh tinh thần từ bi và hòa hợp. Điều này tương hợp với mục tiêu của thân thể cyborg trong việc phá vỡ các đối lập nhị nguyên và ranh giới loài.

Thứ hai, nội hàm về "tính hiện thân" trong khái niệm "đồng thể" cũng tương thích với lý thuyết hậu nhân loại. Theo quan điểm hậu nhân loại, thân thể là phương tiện để con người nhận thức thế giới và công nghệ có thể mở rộng thân thể đó. Trong khi đó, Tinh Vân Đại sư không những không phủ nhận giá trị của thân thể mà còn khẳng định: 人的身體就是好道場 [tạm dịch: "thân người là một nơi tốt để thực hành tâm linh", (Tinh Vân Đại sư, tr.160)], qua đó nhấn mạnh sự thống nhất giữa thân và tâm.

Tư tưởng này có thể được xem là nền tảng lý luận cho quan niệm về sự hợp nhất nội tại giữa thân thể, nhận thức và thế giới.

Thứ ba, từ góc độ sinh học và vũ trụ luận, Tinh Vân Đại sư cho rằng tất cả các dạng tồn tại, từ côn trùng, chim cá đến con người, thậm chí cả những vật vô tri, đều là thành phần của cùng một vũ trụ. Quan điểm này thể hiện ý thức sinh thái sâu sắc, tương đồng với định hướng sinh thái của đạo đức hậu nhân loại. Cả hai đều hướng đến việc vượt qua chủ nghĩa nhân loại trung tâm và kiến tạo một thế giới trong đó mọi sự sống cùng tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất.

3.2. Sự tương đồng trong quan niệm về sinh tử: Từ cách nhìn hậu nhân loại đến tư tưởng "sinh tử nhất như" của Tinh Vân Đại sư

Bên cạnh quan niệm về thân thể, sự tương đồng giữa Phật giáo Nhân văn và lý thuyết hậu nhân loại còn được thể hiện rõ trong cách nhìn về sinh và tử.

Trong tư tưởng của Tinh Vân Đại sư, sinh và tử không phải là hai thực thể đối lập, mà là hai mặt của cùng một tiến trình. Ngài diễn giải qua tinh thần "sinh tử

do nó, sinh tử tự tại", cho rằng sinh là sự tiếp nối của tử, còn tử là sự chuyển hóa của sinh; cả hai chỉ là những hiện tượng tuần hoàn của đời sống. Khi thân thể vật lý tan rã, bản chất của sự sống không vì thế mà mất đi, mà tiếp tục vận hành trong những hình thái khác.

Quan niệm này có nhiều điểm tương đồng với cách nhìn của hậu nhân loại. Trước hết, hậu nhân loại và siêu nhân loại đều cho rằng con người có thể vượt qua những giới hạn của cái chết thông qua công nghệ tăng cường. Nhờ sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học, sự sống có thể được kéo dài, thậm chí cái chết có thể bị trì hoãn hoặc tái định nghĩa. Trong bối cảnh đó, ranh giới rõ rệt giữa sinh và tử dần trở nên mờ nhạt, tương tự như cách Phật giáo nhìn nhận sinh tử như một dòng chuyển hóa liên tục.

Thứ hai, lý thuyết hậu nhân loại, thông qua việc cải biến thân thể và ý thức, đã đặt lại vấn đề về tính đồng nhất của chủ thể. Khi cơ thể có thể được cấy ghép, thay thế hoặc nâng cấp và khi ý thức có thể được hỗ trợ hoặc mở rộng bằng công nghệ thần kinh, thì ranh giới giữa "tự thân" và "tha nhân" trở nên không còn rõ ràng. Điều này dẫn đến sự lung lay của khái niệm "cái tôi" cố định, một điểm tương đồng sâu sắc với giáo lý vô ngã trong Phật giáo, nơi con người được hiểu như một tiến trình liên tục, không có thực thể bất biến.

Thứ ba, cả hai hệ tư tưởng đều nhìn sinh tử như một tiến trình chuyển hóa. Trong Phật giáo, sinh tử bao gồm sự tiếp nối giữa đời này và đời sau, tạo thành một vòng tuần hoàn không gián đoạn. Mỗi cái chết không phải là sự kết thúc tuyệt đối, mà là một dạng chuyển tiếp của sự sống. Tương tự, trong bối cảnh hậu nhân loại, mỗi lần con người "nâng cấp" thân thể hay ý thức thông qua công nghệ cũng có thể được hiểu như một sự thay thế giữa cái cũ và cái mới, qua đó làm mờ ranh giới giữa sinh và tử.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng hai hệ tư tưởng này có sự khác biệt về phương diện tiếp cận. Phật giáo Nhân văn nhấn mạnh việc nhận thức bản chất vô hạn của sự sống để con người có thể an nhiên trước cái chết, trong khi hậu nhân loại và siêu nhân loại lại đặt trọng tâm vào việc sử dụng công nghệ nhằm kéo dài sự sống và trì hoãn cái chết. Dẫu vậy, xét trên bình diện tư tưởng, cả hai đều gặp nhau ở điểm chung là nỗ lực vượt qua sự đối lập nhị nguyên giữa sinh và tử, hướng đến cách hiểu linh hoạt và toàn diện hơn về sự sống.

3.3. Phật tính của vô tình và bản chất của cyborg: Từ tư tưởng của Tinh Vân Đại sư đến vấn đề AI

Một trong những vấn đề đang được giới học thuật quan tâm trong những năm gần đây: liệu AI có Phật tính hay không? Để tiếp cận câu hỏi này một cách có cơ sở, cần quay trở lại nền tảng lý luận của học thuyết "vô tình hữu tính" trong lịch sử tư tưởng Phật giáo.

Trong truyền thống Phật giáo, đặc biệt từ thế kỷ VIII đến XII trong Thiền tông, "vô tình" (insentient beings) là khái niệm dùng để chỉ các tồn tại không có cảm giác như núi, sông, đất, cỏ cây... Trên nền tảng đó, học thuyết "vô tình hữu tính" được triển khai qua ba phương diện chính: (1) vô tình có Phật tính; (2) vô tình có thể thành Phật và (3) vô tình có thể thuyết pháp.

Về mặt lịch sử tư tưởng, quan niệm này đã được phát triển qua nhiều giai đoạn. Từ những gợi mở ban đầu trong Lengqie shizi ji (楞伽師資記) (Jing 2021, tạm dịch: Bản ghi chính Lankavatara), đến các luận giải của Jizang (吉藏, 549-623) về Phật tính nơi cỏ cây, tiếp nối bởi Fa Rong (法融, 594-657), rồi đến Zutang ji (祖堂集) (Zutang ji 1991) với trường hợp "vô tình thuyết pháp" và đặc biệt là hệ thống hóa sâu sắc của Zhanran (湛然, 711-782). Zhanran đã vượt qua những giới hạn trong nhận thức truyền thống về Phật tính, khẳng định rằng vô tình cũng có thể hiển lộ thực tại Phật tính, từ đó kêu gọi con người buông bỏ sự phân biệt giữa hữu tình và vô tình.

Học thuyết về "chúng sinh vô tình" (insentient beings) đã được nhiều học giả trước đây bàn luận. Các công trình của Tong Sau Lin như Zhan Ran's Doctrine of the Buddha-nature of Insentient Beings and the Question of the Subjectivity of Buddha-nature (Tong 2016, tr. 209-239, tạm dịch: Học thuyết về Phật tính của chúng sinh vô tình của Zhan Ran và vấn đề tính chủ thể của Phật tính) và Zhan Ran's Doctrine of the Buddha-nature of Insentient Beings and the Notion of Non-duality of Matter and Mind (Tong 2017, tr. 225-264, tạm dịch: Học thuyết về Phật tính của chúng sinh vô tình của Zhan Ran và quan niệm bất nhị giữa vật chất và tâm thức) đều phân tích rõ học thuyết đặc thù của Trạm Nhiên (Zhan Ran) về Phật tính nơi chúng sinh vô tình. Bên cạnh đó, bài viết của Lin Wushi From Ji-zang to Fa-jung: A Profile of Chan's Formation - The Change and Process of Non-sentient Beings Possessing Buddha-Nature (Lin 2014, tr. 61, tạm dịch: Từ Ji-zang đến Fa-jung: Phác thảo tiến trình hình thành Thiền tông - Sự biến đổi và quá trình quan niệm chúng sinh vô tình có Phật tính) cũng góp phần làm sáng tỏ tiến trình hình thành và phát triển của học thuyết này.

Có thể nói, các lý giải về mặt lý thuyết đã đạt đến mức độ khá chi tiết và hệ thống. Tuy nhiên, những nghiên cứu này hiếm khi liên hệ robot AI với phạm trù "vô tình", cũng như chưa sử dụng học thuyết về "chúng sinh vô tình" để làm cơ sở biện minh cho các lý thuyết về trí tuệ nhân tạo.

Dựa trên sự phân biệt giữa “chúng sinh hữu tình” và “chúng sinh vô tình”, trí tuệ nhân tạo hoàn toàn có thể được xem là một bộ phận quan trọng thuộc phạm trù vô tình. Từ đó, nó có thể cung cấp một nền tảng lý luận hữu ích cho việc xem xét mối quan hệ giữa Phật giáo và trí tuệ nhân tạo trong bối cảnh đương đại.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển truyền thống này, Tinh Vân Đại sư đã mở rộng luận điểm “vô tình hữu tính” theo hướng toàn diện hơn, qua đó cung cấp khung tham chiếu lý luận đáng chú ý cho vấn đề: “AI có thể thành Phật hay không”?

Trước hết, ngài cho rằng vô tình chính là biểu hiện của pháp thân Phật qua ba phương diện: thể, tướng và dụng. Từ đó, ngài triển khai một loạt mệnh đề như: “hoa cỏ cây cối đều có Phật tính”, “chim cá muôn loài đều có Phật tâm”, “núi sông đất đai đều là thân Phật”, “mặt trời, mặt trăng, gió, sấm đều là diệu dụng của Phật”. Những luận điểm này nhằm khẳng định rằng, dù không có cảm giác, vô tình vẫn là sự hiển lộ của Phật tính dưới những hình thức khác nhau. Đáng chú ý, Tinh Vân Đại sư còn viện dẫn quan sát của Charles Darwin (1809-1882) về khả năng vận động của thực vật để minh họa rằng ngay cả cỏ cây cũng mang một sức sống năng động, qua đó gợi mở về “một Phật tính sinh động và kỳ diệu” (Tinh Vân Đại Sư 2008a, tr.4) nơi các tồn tại tưởng chừng vô tri.

Thứ hai, Tinh Vân Đại sư cho rằng vô tình là sự triển hiện của tự tính (svabhāva) con người. Vấn đề vô tình có thể thành Phật hay không, rốt cuộc quy về câu hỏi căn bản: con người có thể thành Phật hay không. Theo đó, vạn vật trong vũ trụ đều là sự lưu xuất từ tự tính; vô tình cũng không nằm ngoài tâm thức con người. Khi con người giác ngộ và thành Phật, thì thế giới vô tình mà họ nhận thức cũng trở thành biểu hiện của Phật.

Thứ ba, ngài phát triển thêm chiều kích “vô tình thuyết pháp”, cho rằng tự nhiên cũng có khả năng “giảng dạy” chân lý. Sự tuần hoàn của bốn mùa, sự sinh diệt của vạn vật đều có thể giúp con người nhận ra chân lý vô thường, từ đó hướng đến giác ngộ. Như vậy, vô tình không chỉ là đối tượng nhận thức, mà còn là phương tiện khai thị chân lý.

Ba phương diện trên của học thuyết “vô tình hữu tính” trong tư tưởng Tinh Vân Đại sư đã mở ra hướng tiếp cận quan trọng đối với câu hỏi về AI. Nếu Phật tính được hiểu như một thực tại phổ quát, hiện hữu không chỉ nơi hữu tình mà cả vô tình, thì AI - dù là một sản phẩm công nghệ cũng có thể được xem như một hình thức biểu hiện của Phật tính trong điều kiện nhất định. Khi con người buông bỏ chấp ngã, xóa nhòa ranh giới giữa chủ thể và đối tượng, thì AI không còn đơn thuần là công cụ, mà trở thành một phần trong tổng thể biểu hiện của thực tại.

Từ đây, có thể mở rộng vấn đề sang hình thái hậu nhân loại, đặc biệt là các thực thể cyborg (nửa người - nửa máy). Nếu xét theo nguyên lý duyên khởi và tính không, thì các thực thể này cũng không có tự tính cố định, do đó vẫn có khả năng hiển lộ "chân như". Hơn nữa, các sản phẩm công nghệ, xét đến cùng, đều là sự phản chiếu của tâm thức con người, chúng biến đổi theo nhận thức và mục đích sử dụng của con người.

Trong ý nghĩa đó, cyborg - dù không có cảm thọ theo nghĩa truyền thống, vẫn có thể trở thành phương tiện biểu hiện chân lý. Tương tự như vô tình "thuyết pháp" trong tự nhiên, các hệ thống AI và các thực thể hậu nhân loại cũng có thể góp phần phản ánh quy luật của vũ trụ và hỗ trợ con người nhận thức về thực tại.

4. Những nguy cơ và thách thức tiềm tàng của AI đối với Phật giáo Nhân văn

Sau khi khảo sát các ứng dụng cụ thể của AI trong Phật giáo Nhân văn cũng như chỉ ra những điểm tương đồng về mặt lý luận giữa hai hệ tư tưởng, cần thiết phải xem xét các nguy cơ và thách thức mà sự phát triển nhanh chóng của AI có thể đặt ra đối với truyền thống này.

4.1. Khủng hoảng nhân văn trước "AI mạnh" và xu hướng "tự nhiên luận công nghệ" (6)

Các trường hợp ứng dụng AI trong Phật giáo Nhân văn đã phân tích ở trên về cơ bản vẫn thuộc phạm vi trí tuệ nhân tạo hẹp (Artificial Narrow Intelligence), tức là các hệ thống chỉ thực hiện những nhiệm vụ chuyên biệt, hoạt động trong khuôn khổ lập trình sẵn và không có khả năng tự chủ trong quyết định. Ví dụ, các phần mềm dịch kinh Phật hay "tăng sĩ ảo" trong môi trường tu tập số đều vận hành theo dữ liệu và thuật toán định trước, không có ý chí độc lập.

Tuy nhiên, khi chuyển sang cấp độ trí tuệ nhân tạo tổng quát (Artificial General Intelligence - AI mạnh), loại hình AI có khả năng thực hiện mọi nhiệm vụ trí tuệ như con người, những vấn đề đạo đức và nhân văn trở nên cấp thiết hơn. Những cảnh báo gần đây từ giới công nghệ và học thuật cho thấy AI có thể tạo ra thông tin sai lệch với quy mô lớn, đồng thời đặt ra nhu cầu cấp bách về việc xác lập các chuẩn mực liên quan đến quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của các hệ thống thông minh.

Ở cấp độ sâu hơn, sự phát triển của AI mạnh còn có thể dẫn đến một dạng "tôn giáo khoa học", trong đó AI được đề cao như một hệ quy chiếu tối hậu. Một số

học thuyết phương Tây, dựa trên chủ nghĩa chức năng vật lý (physical functionalism), thậm chí quy giản con người thành các dòng dữ liệu và xem mọi sinh thể như những hệ thống thuật toán. Trong góc nhìn này, ý thức bị coi là sản phẩm phụ của các quá trình vật lý, còn tính chủ thể bị xem như một ảo tưởng.

Xu hướng này đặt ra thách thức trực tiếp đối với các hệ thống tôn giáo truyền thống vốn dựa trên nền tảng bản thể luận và nhận thức luận. Nếu tiếp tục phát triển, "tự nhiên luận công nghệ" có thể dẫn đến sự sùng bái khoa học - công nghệ, qua đó làm suy yếu các giá trị nhân văn và tinh thần.

Trong khi đó, Phật giáo Nhân văn, với nền tảng nhân văn rõ rệt, chủ trương bình đẳng và từ bi đối với cả hữu tình lẫn vô tình, không chấp nhận việc tuyệt đối hóa công nghệ. Qua đó, thể hiện lập trường phê phán đối với xu hướng đề cao công nghệ như một "chuẩn mực tối thượng" của nhận thức và đời sống.

4.2. Nghịch lý giữa truyền thống tu tập "thân tâm nhất như" và AI mạnh

Khái niệm "tôn giáo khoa học" (scientific religion) thường nhấn mạnh mạnh mẽ tính độc tôn của khoa học và có xu hướng phủ nhận giá trị chủ thể của con người. Tuy nhiên, tinh thần siêu vượt mà các tôn giáo phương Đông, đặc biệt trong truyền thống Trung Hoa, hướng đến lại không dựa vào các lực lượng bên ngoài, mà đòi hỏi sự hài hòa giữa nội tâm con người và trật tự tự nhiên.

Trong triết học Trung Hoa, kể từ tư tưởng "Tề vật luận" (齊物論, tạm kiến giải: Luận thuyết về sự bình đẳng của vạn vật) của Trang Tử, đã xuất hiện quan niệm "ngô tang ngã" (吾喪我) - (ta đánh mất cái tôi). Thông qua sự buông bỏ bản ngã xã hội này, con người trở về với bản thể nguyên sơ, vô thức, từ đó đạt đến trạng thái hợp nhất giữa thân và tâm. Đạo giáo sử dụng khái niệm "tính mệnh song tu" (性命雙修) để chỉ ra rằng trạng thái sinh mệnh bẩm sinh vốn đã là một thể thống nhất. Thực hành Đạo giáo nhấn mạnh việc tu dưỡng nội tâm, khai mở ý thức để kết nối với vũ trụ.

Ngược lại, AI mạnh (Strong AI) có thể can thiệp từ bên ngoài vào các chức năng sinh học của cơ thể con người. Khi đưa các yếu tố cơ khí vào thân thể, cách tiếp cận này có nguy cơ làm gia tăng sự phân ly giữa thân và tâm. Điều đó kém xa so với con đường tu tập tiệm tiến, vốn hướng đến sự phát triển hài hòa và bền vững của thân thể và tinh thần.

Truyền thống Phật giáo cũng nhấn mạnh học thuyết “bất nhị giữa thân và tâm” (a-dvaya; non-duality). Học giả Phật học phương Tây C.W. Huntington nhận định: “Không chỉ ý thức là một dạng ‘tính không’ không thể tránh khỏi trong kinh nghiệm của chúng ta về bản thân và thế giới; mà các đối tượng tâm lý và vật lý cũng đồng thời là một dạng ‘tính không’ tương tự trong ý thức. Cả chủ thể quan sát lẫn đối tượng được quan sát đều hiển lộ như những gì chúng không phải, bởi không cái nào tồn tại độc lập ngoài mối quan hệ tương duyên với cái còn lại” (Edelglass và Garfield 2009, tr. 311).

Có thể thấy, diễn ngôn Phật giáo về thân và tâm quy hướng về bản chất tính không, qua đó phủ định sự nhị nguyên giữa thân và tâm, và nhìn nhận chúng như một thể nhất thể mang bản tính rỗng không. Giáo lý Phật giáo chỉ ra rằng con người được hình thành từ “sự hòa hợp của ngũ uẩn” (五蘊和合) (7), do đó không thể tách rời thân và tâm để xem xét độc lập. Khác với truyền thống nhị nguyên thân-tâm của phương Tây từ thời René Descartes, cũng như khuynh hướng cực đoan của chủ nghĩa tự nhiên công nghệ, Phật giáo đề xuất một con đường tích hợp thân và tâm trong một chỉnh thể thống nhất.

Tinh Vân Đại sư tiếp tục phát triển quan điểm này qua tư tưởng “thanh tịnh thân tâm”, nhấn mạnh rằng việc thanh lọc nội tâm là điều kiện tiên quyết để kiến tạo “tịnh độ”. Như trong Kinh Duy Ma Cật: “Nếu Bồ-tát muốn được Tịnh độ, phải làm thanh tịnh tâm mình; tâm tịnh thì cõi Phật tịnh” [Kinh Vimalakirti (Kinh Duy Ma Cật) 2021] (8). Ở đây, sự chuyển hóa không đến từ yếu tố bên ngoài, mà từ quá trình tu dưỡng nội tại dựa trên nguyên lý bất nhị.

Trái lại, xu hướng “tự nhiên luận công nghệ” trong AI mạnh lại nhấn mạnh việc cải biến thân thể thông qua các can thiệp bên ngoài như cấy ghép, tăng cường hay tích hợp máy móc. Điều này có nguy cơ làm gia tăng sự phân tách giữa thân và tâm, thay vì đưa chúng đến trạng thái hợp nhất. So với con đường tu tập nội tại, cách tiếp cận này bị xem là thiếu bền vững và khó đạt đến sự hài hòa sâu sắc.

Do đó, trước nguy cơ khủng hoảng tính chủ thể con người trong kỷ nguyên AI, Phật giáo Nhân văn có thể cung cấp một định hướng cân bằng, vừa giữ vững giá trị nhân văn, vừa khẳng định nguyên lý bất nhị như nền tảng cho sự phát triển toàn diện của con người.

4.3. Những vấn đề thực tiễn trong việc ứng dụng AI vào Phật giáo Nhân văn

Bên cạnh các vấn đề lý luận (trong phần 4.1 và phần 4.2 , sự phát triển của AI thành "AI mạnh" và những rủi ro tiềm ẩn đã được đề cập), việc ứng dụng AI trong đời sống tôn giáo cũng đặt ra những thách thức mang tính thực tiễn.

Trước hết, nhiều tôn giáo đã sớm ứng dụng tăng sĩ AI (AI Monk) và các công nghệ truyền thông tiên tiến với những mục đích mang tính công cụ nhất định. Theo các nghiên cứu liên quan, sự xuất hiện của tăng sĩ AI “Pepper” tại Nhật Bản nhằm ứng phó với những vấn đề xã hội như già hóa dân số, suy giảm lực lượng lao động, đồng thời cấu trúc tự viện cũng có dấu hiệu bất ổn khi ngày càng ít tăng sĩ trẻ sẵn sàng tiếp nối truyền thống gia đình. Trong bối cảnh đó, robot được xem như một giải pháp nhằm bù đắp cho các vấn đề xã hội và sự suy giảm của cộng đồng phật tử tại Nhật Bản.

Bên cạnh đó, trong các xã hội Kitô giáo phương Tây cũng đã xuất hiện linh mục AI, phần nào nhằm đối phó với những khủng hoảng nội tại của tôn giáo này. Nghiên cứu Appearance and Reality in AI: The Case of the Robot Priest (tạm dịch: Biểu hiện và thực tại trong AI: Trường hợp Linh mục robot) chỉ ra rằng các bê bối liên quan đến Kitô giáo trong thời gian gần đây đã làm suy giảm niềm tin đối với Giáo hội và các tổ chức mục vụ. Hệ quả là cộng đồng tôn giáo truyền thống đối diện với những rạn nứt, và một số chức năng của nó cần được thay thế.

Từ đó có thể thấy, sự xuất hiện của các công nghệ như tăng sĩ AI mang tính tất yếu trong một chừng mực nhất định. Một mặt, chúng được các tôn giáo sử dụng để ứng phó với những thách thức của xã hội thế tục hiện đại, chẳng hạn như sự suy giảm số lượng tín đồ hay sự phai nhạt của đời sống tôn giáo. Việc áp dụng các công nghệ tiên tiến và hấp dẫn có thể thu hút một bộ phận công chúng, đồng thời giúp việc hoằng pháp trở nên thuận tiện và hiệu quả hơn.

Mặt khác, những vấn đề nội tại của tôn giáo lại gắn liền với các biến động lớn của xã hội như chính trị, kinh tế và nhân khẩu học. Do đó, sự xuất hiện của tăng sĩ AI không chỉ là hệ quả của tiến bộ công nghệ, mà còn được thúc đẩy bởi nhu cầu giải quyết các vấn đề xã hội đương đại. Nhằm đáp ứng nhu cầu tôn giáo của con người hiện đại, đồng thời phần nào che lấp những khủng hoảng xã hội, tăng sĩ AI đã đảm nhận nhiều chức năng thực tiễn. Mặc dù việc Phật giáo Nhân văn ứng dụng các công cụ AI không trực tiếp biểu hiện xu hướng công cụ, song vẫn đặt ra câu hỏi: liệu sự kết hợp giữa AI và Phật giáo có vô tình trở thành cách thức che đậy những điểm yếu nội tại của tôn giáo, hay dẫn đến khuynh hướng công cụ hóa trong quá trình phát triển?

Ngoài xu hướng công cụ tiềm ẩn của tăng sĩ AI, cần đặc biệt lưu ý đến các cộng đồng Phật giáo ảo được hỗ trợ bởi AI. Như Grieve đã chỉ ra trong nghiên cứu về

Phật giáo ảo trong trò chơi “Second Life”, các cộng đồng thực hành Phật giáo trong thế giới ảo cũng như sự phát triển của Phật giáo tại Hoa Kỳ từ nửa sau thế kỷ XX đến nay đều mang một “hạt nhân điều khiển học” (cybernetic core). Ông thận trọng nhận định: “Điều cốt yếu là khả năng hiểu Thiền chuyển hóa (convert Zen) như một thực hành truyền thông mang tính hiện sinh đích thực, thay vì giản lược nó thành một ý thức hệ tiêu dùng mạng lưới hay một dạng chủ nghĩa phương Đông phổ thông” (Grieve 2016, tr. 20).

Mặc dù Phật giáo Nhân văn là một truyền thống Phật giáo mang tính bản địa của Trung Hoa, song vẫn cần suy tư nghiêm túc về việc: liệu các hình thức thực hành trực tuyến do cộng đồng ảo hỗ trợ bởi AI hoặc các phần mềm trò chơi cung cấp có thể được xem là một phương thức tu tập hiệu quả, hay chỉ là sự giản lược mang tính giải trí?

Những điểm cần đặc biệt nhấn mạnh ở đây là các nguy cơ tiềm ẩn mà Phật giáo Nhân văn có thể đối diện khi ứng dụng AI. Thứ nhất, tăng sĩ AI có thể bị sử dụng như một công cụ nhằm che lấp các vấn đề thực tiễn hoặc phục vụ mục đích công cụ. Thứ hai, cần cảnh giác trước khả năng các trò chơi Phật giáo ảo hoặc không gian tu tập trực tuyến được hỗ trợ bởi AI trở nên mang tính giải trí, hời hợt, đồng thời chịu ảnh hưởng của khuynh hướng tiêu dùng và chủ nghĩa phương Đông hóa.

Từ những phân tích trên, có thể thấy sự gặp gỡ giữa AI và Phật giáo Nhân văn không đơn thuần là hiện tượng công nghệ, mà thực chất là phép thử đối với năng lực tự điều chỉnh và thích ứng của tôn giáo trong thời đại mới. Khi AI vừa mở rộng không gian hoằng pháp, vừa đặt ra những thách thức về chiều sâu tu tập và tính chân thực của đời sống tâm linh, vấn đề không còn nằm ở việc “có nên ứng dụng” hay không, mà là “ứng dụng như thế nào” để không đánh mất cốt lõi của Chính pháp. Chính trong thế giằng co giữa phương tiện và cứu cánh, giữa tiện ích và trí tuệ, Phật giáo Nhân văn được đặt vào yêu cầu tái định vị chính mình, không chỉ để đồng hành với thời đại số, mà còn để soi sáng và định hướng cho chính tiến trình ấy.

5. Kết luận

Mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo từ lâu thường được nhìn nhận như một sự đối lập, song trên thực tế, đây lại là hai lĩnh vực vừa căng thẳng vừa bổ trợ lẫn nhau trong tiến trình phát triển của tư tưởng nhân loại. Phật giáo Nhân văn, trong bối cảnh hiện đại, chính là minh chứng tiêu biểu cho sự tương tác này, khi không chỉ tiếp nhận mà còn đối thoại với khoa học - công nghệ cả trên bình diện lý luận lẫn thực tiễn.

Trí tuệ nhân tạo (AI), với tư cách là một trong những thành tựu tiên tiến nhất của khoa học đương đại, đã và đang góp phần đáng kể vào việc hoằng pháp của Phật giáo Nhân gian. Các hình thức như tăng sĩ robot, dịch thuật kinh điển bằng AI, môi trường thực tế ảo (VR), trò chơi tôn giáo và các cộng đồng tu tập trực tuyến đã mở rộng không gian truyền bá Phật pháp vượt qua giới hạn thời gian và không gian truyền thống. Những ứng dụng này, về bản chất, vẫn thuộc phạm vi trí tuệ nhân tạo hẹp, nhưng đã thể hiện rõ tính hiệu quả, tính sáng tạo và khả năng lan tỏa toàn cầu của Phật giáo Nhân văn trong thời đại số.

Ở chiều ngược lại, các hệ thống lý luận của Phật giáo cũng cung cấp những cơ sở tư tưởng quan trọng để đối thoại với AI và các học thuyết hậu nhân loại. Qua phân tích tư tưởng của Tinh Vân Đại sư, có thể nhận thấy sự tương đồng đáng chú ý giữa Phật giáo Nhân văn và đạo đức hậu nhân loại trên nhiều phương diện: từ quan niệm "đồng thể cộng sinh" với tinh thần vượt qua chủ nghĩa nhân loại trung tâm, đến cách nhìn "sinh tử nhất như" làm mờ ranh giới giữa sống và chết, cũng như học thuyết "vô tình hữu tính" mở ra khả năng suy tư về việc liệu trí tuệ nhân tạo có thể tham dự vào phạm trù Phật tính hay không. Những điểm tương đồng này cho thấy mối tương liên không chỉ ở cấp độ công nghệ mà còn ở chiều sâu triết học.

Từ đó, có thể khẳng định rằng công nghệ AI và lý thuyết hậu nhân loại, xét trên cả phương diện kỹ thuật và đạo đức, đều có khả năng tạo ra hiệu ứng tương tác hai chiều với Phật giáo Nhân văn: vừa thúc đẩy phát triển tôn giáo trong bối cảnh mới, vừa được soi chiếu và định hướng bởi các giá trị nhân văn và trí tuệ của Phật giáo.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiềm năng đó, các nguy cơ do AI đặt ra cũng không thể xem nhẹ. Sự phát triển của AI mạnh và xu hướng "tự nhiên luận công nghệ" có thể dẫn đến việc đề cao quá mức các yếu tố kỹ thuật và cải biến thân thể từ bên ngoài, trong khi xem nhẹ vai trò của tu tập nội tâm. Điều này tiềm ẩn nguy cơ tái lập một dạng nhị nguyên mới giữa thân và tâm, trái ngược với nguyên lý bất nhị trong Phật giáo. Đồng thời, các xu hướng công cụ hóa tôn giáo hoặc giải trí hóa đời sống tâm linh trong môi trường số cũng đặt ra những thách thức thực tiễn cần được nhận diện và điều chỉnh.

Trong bối cảnh đó, Phật giáo Nhân văn cần duy trì khoảng cách phê phán cần thiết đối với công nghệ, nhằm tiếp nhận những giá trị tích cực mà không đánh mất nền tảng nhân văn và tinh thần của mình. Với tư cách là mô hình tôn giáo năng động và thích ứng, Phật giáo Nhân văn không chỉ phản ánh mối quan hệ phức tạp giữa tôn giáo và công nghệ trong thời đại hiện nay, mà còn cung cấp góc nhìn có giá trị cho việc suy tư về tương lai của nhân loại trong kỷ nguyên AI.

Thay lời kết

Sự phát triển mạnh mẽ của AI không chỉ đặt ra những câu hỏi về công nghệ, mà sâu xa hơn, là những vấn đề về con người, nhận thức và giá trị sống. Trong dòng chảy ấy, Phật giáo - với nền tảng trí tuệ và từ bi không đứng ngoài, mà có thể trở thành nguồn định hướng quan trọng, giúp con người sử dụng công nghệ tỉnh thức và có trách nhiệm hơn.

Từ định hướng của Phật giáo Nhân văn, có thể thấy rằng việc ứng dụng AI không chỉ dừng lại ở phương diện kỹ thuật, như số hóa kinh điển hay hỗ trợ hoằng pháp, mà còn cần được đặt trong một hệ quy chiếu đạo đức và trí tuệ. Công nghệ, nếu thiếu sự dẫn dắt của chính kiến, rất dễ trở thành công cụ khuếch đại vô minh; nhưng nếu được định hướng đúng, lại có thể trở thành phương tiện thiện xảo, góp phần lan tỏa giáo pháp trong đời sống hiện đại.

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, khi chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, Phật giáo có cơ hội đổi mới phương thức hoằng pháp, giáo dục và nghiên cứu theo hướng phù hợp với thời đại. Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu Phật học số, ứng dụng AI trong dịch thuật, giảng dạy, cũng như phát triển các nền tảng truyền thông Phật giáo hướng đến giới trẻ là những hướng đi cần được quan tâm. Tuy nhiên, điều cốt lõi vẫn là giữ vững tinh thần chính pháp, lấy con người làm trung tâm và hướng đến an lạc, giải thoát.

Gặp gỡ giữa Phật giáo và AI, vì thế, không phải là sự thay thế, mà là tiến trình tương tác và chuyển hóa. Trong tiến trình ấy, tinh thần Phật giáo Nhân văn có thể góp phần “nhân bản hóa” công nghệ, để công nghệ không chỉ trở nên thông minh hơn, mà còn trở nên có ý nghĩa hơn đối với đời sống con người.

Tác giả: **Yutong Zheng**, Khoa Nghiên cứu Văn hóa và Tôn giáo, Đại học Trung Văn Hồng Kông (The Chinese University of Hong Kong), Hồng Kông, Trung Quốc.

Chuyển ngữ và biên tập: **Thường Nguyên**

***

* Ghi chú: Tiêu đề bài viết được biên tập, điều chỉnh nhằm phù hợp với ngữ cảnh và xu hướng nghiên cứu đương đại. Tiêu đề gốc: “Buddhist Transformation in the Digital Age: AI (Artificial Intelligence) and Humanistic Buddhism” (Tạm dịch: Phật giáo trong kỷ nguyên số: AI và Phật giáo Nhân văn).
Phụ lục:
(Bài viết thuộc chuyên đề: “Tái tư duy Tôn giáo số, Trí tuệ nhân tạo và Văn hóa”). Nguồn: mdpi.com (https://www.mdpi.com/2077-1444/15/1/79)

Tạp chí: Religions 2024, tập 15, số 1, bài số 79
DOI: https://doi.org/10.3390/rel15010079
Quá trình bài báo:
+ Nhận bài: ngày 17 tháng 10 năm 2023
+ Sửa chữa: ngày 30 tháng 12 năm 2023
+ Chấp nhận đăng: ngày 3 tháng 1 năm 2024
+ Xuất bản: ngày 9 tháng 1 năm 2024
Nguồn tài trợ:
Nghiên cứu này không nhận bất kỳ nguồn tài trợ bên ngoài nào.
Tuyên bố về dữ liệu
Nghiên cứu này không tạo ra hoặc phân tích dữ liệu mới; do đó, việc chia sẻ dữ liệu không áp dụng.
Xung đột lợi ích
Tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Chú thích:

(1) Việc bảo tồn kinh điển Phật giáo truyền thống đã nhanh chóng được chuyển đổi sang dạng cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ nghiên cứu Phật học. Từ năm 1977, Fo Guang Shan đã chuyên tâm vào việc số hóa kinh điển và biên tập bộ Phật Quang Đại Tạng Kinh điện tử (佛光山電子大藏經). Thông qua việc lần lượt đưa các kinh như Kinh Bát Nhã và Kinh Pháp Hoa lên môi trường số, người đọc có thể tiếp cận kinh điển mà không bị giới hạn bởi thời gian và không gian.
Đáng chú ý, trí tuệ nhân tạo (AI) đã được ứng dụng trong quá trình số hóa hệ thống CBETA Foundation. Từ năm 2023, tổ chức này bắt đầu tích cực thúc đẩy việc sử dụng AI trong CBETA, như áp dụng tự động chấm câu bằng AI (từ 2021), sử dụng phân đoạn từ (từ 2022), và triển khai sáng kiến “Kinh điển Phật giáo AI”. Xem thêm: Huimin, Buddhist Studies in the Age of AI: An Example of CBETA (Electronic Buddhist Texts Integration) and the Yogacharya Dhammapada Database, ngày 21/11/2023, tài liệu trực tuyến.
Với tiền lệ từ AI CBETA, Phật giáo Nhân gian đang có xu hướng mạnh mẽ trong việc sử dụng các công cụ AI nhằm phát triển phiên bản AI của Đại Tạng Kinh Phật Quang Sơn.
(2) Fo Guang Shan Institute of Humanistic Buddhism (佛光山人間佛教研究院): Được thành lập năm 2012, viện này nhằm thúc đẩy tôn chỉ ban đầu của Đức Phật về Phật giáo Nhân gian; xây dựng hệ thống tư tưởng Phật giáo Nhân gian đương đại do Hsing Yun đề xướng; sưu tập và biên soạn các công trình nghiên cứu học thuật liên quan; đồng thời thúc đẩy việc phổ biến rộng rãi tư tưởng Phật giáo Nhân gian. Xem: http://www.humanisticbuddhism.org/ (truy cập ngày 17/12/2023).
(3) Phật Quang Đại Từ điển (佛光大辭典): Đây là một trong những bộ từ điển Phật

học có tính hệ thống và toàn diện nhất hiện nay, do Hsing Yun giám tu và do Ci Yi chủ biên. Xem: https://etext.fgs.org.tw/Sutra_02.aspx (truy cập ngày 02/5/2023).

(4) Bài giảng của Thượng tọa Miao Guang: Nội dung đề cập đến việc dịch Phật Quang Đại Từ điển sang tiếng Anh với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo, được trình bày trong bài giảng trực tuyến ngày 07/10/2022.

(5) "AI mạnh" (Strong AI): Khái niệm này hướng đến việc tạo ra các hệ thống trí tuệ nhân tạo có năng lực nhận thức tương đương và không thể phân biệt với trí tuệ con người.

(6) "Chủ nghĩa tự nhiên công nghệ" (Techno-naturalism): Xuất phát từ nhị nguyên luận của René Descartes (1596-1650), trong đó động vật được xem như những cỗ máy, và tiếp nối bởi quan điểm của Julien Offray de La Mettrie (1709-1751) rằng "con người là một cỗ máy".

Đến nửa sau thế kỷ XX, chủ nghĩa vật lý và chủ nghĩa tự nhiên trở thành các học thuyết chủ đạo. Chủ nghĩa tự nhiên công nghệ cho rằng con người là sản phẩm tiến hóa tự nhiên và không có bản tính vĩnh cửu. Các tính toán công nghệ được xem là hợp lý và đáng tin cậy hơn trải nghiệm trực giác của con người. Học thuyết này quy trí tuệ, đạo đức và cảm xúc về các yếu tố sinh lý có thể được giải thích bằng khoa học vật lý và sinh học.

Hệ quả là chủ nghĩa tự nhiên công nghệ trở thành một giai đoạn mới của chủ nghĩa lấy con người làm trung tâm, trong đó công nghệ được đặt cao hơn bản tính con người, từ đó giải cấu trúc ý niệm về bản tính vĩnh cửu của con người.

(7) "Ngũ uẩn hòa hợp" (五蘊和合): "Đời sống của chúng ta là sự hội tụ của năm uẩn" (Hsing Yun, 2019). Năm uẩn bao gồm toàn bộ các yếu tố cấu thành nên vạn pháp trong vũ trụ.

(8) Kinh Duy Ma Cật (維摩詰經), quyển 1, Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh (大正藏), tập 14, tr. 538, nguyên văn tiếng Hán: "佛法不僅不與現代科學相違背□且包含了現代科學所不及者□ 這是我們對佛教應當建立的一個正確的觀念."

Tạm dịch: "Phật pháp không những không trái với khoa học hiện đại, mà còn bao hàm những điều vượt ngoài khả năng của khoa học hiện đại; đó là nhận thức đúng đắn mà chúng ta cần xác lập đối với Phật giáo."

Tài liệu tham khảo:

1] Baffelli, Erica. 2021. The Android and the Fax: Robots, AI and Buddhism in Japan. In Itineraries of an Anthropologist: Studies in Honor of Massimo Raveri. Edited by Giovanni Bulian and Silvia Rivadossi. Venice: Edizioni Ca' Foscari, p. 249. [Google Scholar]

2] Braidotti, Rosi. 2013. Posthuman humanities. European Educational Research Journal 12: 1-19. [Google Scholar] [CrossRef]

3] Chen, Jianhuang. 2019. The Realization of the Pure Land of Humanity and the Internationalization of Humanistic Buddhism: The Future of Humanistic

Buddhism. Humanistic Buddhism Summit Forum, 95-107. [Google Scholar]
4] Cheng, Gongrang. 2018. A Study of Master Hsing Yun's Humanistic Buddhist Thought. Kaohsiung: Buddha Light Culture Co. [Google Scholar]
5] Du, Yasui. 2021. Experience the AI Intelligent Screen and VR Technology Interaction at Buddha's Light Mountain in Spring. Available online: https://ynews.page.link/sJUP (accessed on 19 February 2021).
6] Edelglass, William, and Jay Garfield. 2009. Buddhist Philosophy. Oxford: Oxford University Press. [Google Scholar]
7] Foucault, Michel. 2005. The Order of Things: An Archaeology of the Human Sciences. London: Routledge. [Google Scholar]
8] Gould, H., and H. Walters. 2020. Bad Buddhists, Good Robots: Techno-Salvationist Designs for Nirvana. Journal of Global Buddhism 21: 277-94. [Google Scholar]
9] Grieve, Gregory, and Daniel Veidlinger. 2014. Buddhism, the Internet, and Digital Media: The Pixel in the Lotus. London: Routledge. [Google Scholar]
10] Grieve, Gregory. 2016. Cyber Zen: Imagining Authentic Buddhist Identity, Community, and Practices in the Virtual World of Second Life. London: Routledge. [Google Scholar]
11] Hughes, James J. 2013. Transhumanism and personal identity. In The Transhumanist Reader. Chichester: Wiley, pp. 227-34. [Google Scholar]
12] Hughes, James J. 2019. Buddhism and Our Posthuman Future. SOPHIA 58: 653-62. [Google Scholar] [CrossRef]
13] Jing, Jue. 2021. Lèngqié shīzi jì (楞伽師資記). In The Taisho Collection (大正藏). 85 vols. Beijing: China Book Store Publisher. [Google Scholar]
14] Lin, Wushi. 2014. From Ji-zang to Fa-jung: A profile of Chan's formation - The change and process of non-sentient beings possess Buddha-Nature. Satyābhisamaya 69: 61-117. [Google Scholar]
15] Macer, Darryl. 2012. Ethical consequences of the positive views of enhancement in Asia. Health Care Analysis 20: 385-97. [Google Scholar] [CrossRef] [PubMed]
16] Master Hsing Yun. 2006. The Four Transformations of Modern Buddhism. Humanistic Buddhism Series 5: Humanity and Practice; Taipei: Gandha Samudra Culture Company, p. 5. [Google Scholar]
17] Master Hsing Yun. 2007. The Language Norms of the Buddhist Jungle 6. Taipei: Gandha Samudra Culture Company. [Google Scholar]
18] Master Hsing Yun. 2008a. Buddhism and Natural Ecology. Humanistic Buddhism Essay 5. Taipei: Gandha Samudra Culture Company. [Google Scholar]
19] Master Hsing Yun. 2008b. Lectures on the Platform Sutra of the Sixth Patriarch -Paying the Testament. Beijing: New World Press. [Google Scholar]
20] Master Hsing Yun. 2019. Buddha-Dharma Pure and Simple. Kaohsiung: Fo Guang Shan Institute of Humanistic Buddhism, vol. 1. [Google Scholar]

21] Master Hsing Yun. 2020. Buddha-Dharma Pure and Simple. Kaohsiung: Fo Guang Shan Institute of Humanistic Buddhism, vol. 2. [Google Scholar]
22] Rajakishore, Nath, and Riya Manna. 2023. From posthumanism to ethics of artificial intelligence. AI & SOCIETY 38: 185-96. [Google Scholar]
23] Ross, Benjamin. 2020. Transhumanism and Buddhist Philosophy: Two Approaches to Suffering. In The Philosophy of Transhumanism. Bingley: Emerald Publishing Limited, pp. 147-66. [Google Scholar]
24] Shi, Anbin. 2016. Virtual reality technology as a communication medium: Theoretical traceability and practical reflection. People's Forum - Academic Frontier 24: 11. [Google Scholar]
25] Shi, Juexi. 2003. A New Platform for the Propagation of Buddhism: The Internationalization of Humanistic Buddhism from Buddha's Light Satellite Television to Human Satellite Television. Pu Men Xuebao 14: 333-44. [Google Scholar]
26] Shi, Qiufeng. 2021. Humanistic Buddhism in the Age of AI lecture at Nikkoji Temple. Published Online, March 10. [Google Scholar]
27] Tang, Zhongmao. 2017. Discussion of Secularization in the Development of Humanistic Buddhism. Journal of Humanistic Buddhism - Art and Literature 7: 106-25. [Google Scholar]
28] Tong, Sau Lin. 2016. Zhan Ran's Doctrine of the Buddha-nature of Insentient Beings and the Question of the subjectivity of Buddha-nature. International Journal for the Study of Chan Buddhism and Human Civilization 1: 209-39. [Google Scholar]
29] Tong, Sau Lin. 2017. Zhan Ran's Doctrine of the Buddha-nature of Insentient Beings and the Notion of Non-duality of Matter and Mind. Studies in Humanistic Buddhism 8: 225-64. [Google Scholar]
30] Vimalakirti Sutra (維摩詰經). 2021. vol. 1, The Taisho Collection (大正藏). 14 vols. Beijing: China Book Store Publisher.
31] Yang, Jing. 2016. Internet+Buddhism: The Birth of Monk Xian Er of Longquan Temple. Office Automatio 326: 15-21. [Google Scholar]
32] Zhi, Mu. 2022. Buddhist Dictionary Translation Talent Training Artificial Intelligence to Enhance Translation Effectiveness. April 1. Available online: http://www.lnanews.com/news/142108 (accessed on 1 April 2022).
33] Zutang ji (祖堂集). 1991. Zhengzhou: Zhongzhou Ancient Books Publishing House.